



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.

Kính trình: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Chính phủ v/v Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành công ty;

Hội đồng Quản trị đã rà soát Điều lệ hiện hành của Công ty và nhận thấy một số điều khoản của Điều lệ cần được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các Quy định hiện hành và các yêu cầu Quản trị, điều hành công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông :

1. Thông qua những nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ (bản dự thảo kèm theo).
2. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan khi thực hiện việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty trên kể cả việc bổ sung, làm rõ và tiếp tục chủ động tu chỉnh các nội dung, điều chỉnh thứ tự các Điều, khoản, điểm cho phù hợp với các quy định của pháp luật và tình hình thực tế của công ty.
3. Giao cho Hội đồng Quản trị ban hành, bổ sung, sửa đổi Bảng phân định thẩm quyền giữa những đại diện pháp luật của Công ty trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế của Công ty.
4. Giao cho Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan trong việc thực hiện báo cáo, đăng ký với cơ quan chức năng theo quy định.
5. Giao cho Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định nội bộ khác có liên quan cho phù hợp với Điều lệ mới.

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và chấp thuận.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.



Ngô Nam Thắng



Số: ...14../2020/TT_NDP

TP.HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua mức cổ tức năm 2019

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số: 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9;
- Căn cứ Nghị quyết số: 17 /2020/NQ-HĐQT ngày 12 /02 /2020 của Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9;

Hội Đồng Quản Trị Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9 kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua mức cổ tức năm 2019.

Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2019 : 12% bằng tiền mặt

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và chấp thuận.

❖ **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, HCNS.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Nam Thắng



Số: 15.../2020/TT_NDP

TP.HCM, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TỜ TRÌNH

V/v: Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9.

Kính trình: - Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công Ty Cổ Phần Dược Phẩm 2/9;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- Căn cứ Đơn từ nhiệm ngày 05/02/2020 của ông phạm Ngọc Tú, phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận việc miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và thực hiện việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị mới, cụ thể như sau :

1. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

Miễn nhiệm ông Phạm Ngọc Tú, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nhiệm kỳ 2016-2020) kể từ ngày /03/2020.

2. Bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị :

- Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị cần bổ sung : 01 người
- Nhiệm kỳ thành viên Hội đồng Quản trị bầu bổ sung : thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020

Kính trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét và chấp thuận.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Cổ đông của Công ty;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu: VP.



Ngô Nam Thắng

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM 2/9 (Ban hành ngày 03/06/2017)

❖ Lý do sửa đổi, bổ sung :

- + Để phù hợp với quy định tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng (áp dụng từ ngày 01/08/2017) và Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP (áp dụng từ ngày 06/11/2017).
- + Cập nhật theo tình hình hiện tại và định hướng phát triển, hoạt động của công ty trong giai đoạn sắp tới.

❖ Căn cứ pháp lý :

- + Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014;
- + Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
- + Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP;

❖ Các chữ viết tắt:

- + Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ban hành ngày 26/11/2014 : *Luật Doanh nghiệp*
- + Nghị định 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty đối với công ty đại chúng : *Nghị định 71*
- + Thông tư 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/09/2017 hướng dẫn Nghị định 71/2017/NĐ-CP : *Thông tư 95*
- + Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 26/07/2012 hướng dẫn Quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng : *Thông tư 121*

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ			
	Điều 1. Giải thích thuật ngữ	Điều 1. Giải thích thuật ngữ		
1	đ. "Cán bộ quản lý" là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản	đ. "Người Quản lý" là : Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý	Sửa đổi khái niệm “ Người quản lý” theo khoản 18	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	khác có thẩm quyền nhân danh công ty ký kết giao dịch của công ty theo quy định tại Điều lệ công ty”. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Ghi chú : tất cả thuật ngữ “Cán bộ quản lý” trong Điều lệ này sẽ được đổi thành “Người điều hành”	Điều 4 Luật Doanh nghiệp. Sửa đổi để phù hợp với thuật ngữ quy định tại Nghị định 71	
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY				
2	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p><input type="checkbox"/> Điện thoại: (84.8) 38687347 - 38688474</p> <p><input type="checkbox"/> Fax: (84.8) 38687351</p> <p>4. Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc/và Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p>	<p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p><input type="checkbox"/> Điện thoại: (8428) 38687347 - 38688474</p> <p><input type="checkbox"/> Fax: (8428) 38687351</p> <p>4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>Công ty có hai (02) người đại diện theo pháp luật.</p> <p>a. Thành phần và phân định trách nhiệm của từng người đại diện theo pháp luật được quy định như sau:</p> <p>- Người đại diện theo pháp luật thứ nhất – Chủ tịch HĐQT: Thực hiện chức năng quản trị, lãnh đạo chung về mặt định hướng, chiến lược của Công ty. <u>Toàn quyền đại diện cho công ty ký kết các văn bản trong tất cả các</u></p>	<p>Cập nhật mã vùng</p> <p>Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của công ty.</p> <p>Căn cứ theo Điều 13 và 14 Luật Doanh nghiệp</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
		<p><i>lĩnh vực và trong tất cả giao dịch, hợp đồng các quan hệ phát sinh giữa Công ty với các cá nhân, tổ chức và cơ quan Nhà nước.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Người đại diện theo pháp luật thứ hai – Tổng giám đốc: Thực hiện chức năng quản trị điều hành Công ty <u>theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, Bảng phân định thẩm quyền, ủy quyền của HĐQT và Chủ tịch HĐQT và pháp luật về những hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao.</u></i> - <i>Việc phân định thẩm quyền chi tiết cho từng người đại diện pháp luật được quy định <u>tại các văn bản ủy quyền hoặc bảng phân định thẩm quyền do Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT ban hành, bổ sung, sửa đổi.</u></i> <p><i>b. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp.</i> - <i>Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.</i> 		
	CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP			
3	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập		

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là <u>55.500.000.000 VNĐ (năm mươi lăm tỷ năm trăm triệu đồng Việt Nam)</u>. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.550.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11, Điều lệ này.</p> <p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 1 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này</p>	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 111.000.000.000 VNĐ (Một trăm mười một tỷ đồng Việt Nam). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 11.100.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 11 & Điều 12, Điều lệ này.</p> <p>5. Bổ nội dung này vì Điều lệ hiện hành không có.</p>	<p>Tăng vốn sau khi chuyển đổi trái phiếu phát hành năm 2017 thành cổ phiếu</p> <p>Bổ sung điều khoản về nghĩa vụ của cổ đông.</p>	
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG				
4	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 2 Điều 25 và khoản 4 Điều 33 Điều lệ này;</p>	<p>Điều 11. Quyền của cổ đông</p> <p>a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 Điều lệ này;</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề nghị HĐQT triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông xem xét tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên HĐQT.</p>	<p>Điều lệ cũ dẫn chiếu sai điều khoản nên điều chỉnh lại cho đúng</p> <p>Căn cứ Khoản 5 Điều 114 luật Doanh nghiệp.</p>	
5	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại</p>	<p>Điều 13. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3 Điều</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, <u>trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một</u> cổ đông có liên quan;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường :</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên <u>Hội đồng quản trị</u> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;</p>	<p>khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và <i>tập hợp đủ chữ ký của các</i> cổ đông có liên quan;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường :</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên <i>Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên</i> còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm đ khoản 3 Điều này;</p>	<p>14 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p> <p>Bổ sung theo Điều 136 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p>	
5	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <u>lớn hơn 35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;</p>	<p>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>m. Quyết định <i>đầu tư</i>/giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <i>bằng hoặc lớn hơn 35%</i> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>o. Việc Tổng giám đốc điều hành đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (<i>nội dung này được tự động bãi bỏ kể từ ngày 01/08/2020</i>)</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p> <p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 12 Nghị định 71</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị <u>lớn hơn 35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị <i>bằng hoặc lớn hơn 35%</i> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p>	<p>Sửa đổi theo khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p>	
6	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <u>mười [10]</u> ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <u>số lượng và loại cổ phần người đó nắm</u></p>	<p>Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <i>mười lăm [15] ngày</i> trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, <i>địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ</i></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 95/2017/TT-BTC</p> <p>Điều chỉnh lại theo Khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm TT 95</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p><u>giữ</u>, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 <u>Điều 12</u> Điều lệ này;</p>	<p><i>căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ</i>, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p>	Điều lệ cũ dẫn chiếu sai điều khoản nên sửa lại cho đúng	
7	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p>	<p>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. <i>Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:</i></p> <p><i>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</i></p> <p><i>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</i></p> <p><i>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</i></p> <p><i>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;</i></p> <p><i>đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;</i></p> <p><i>e) Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</i></p>	Sửa lại cho đúng và rõ nghĩa theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>2. <u>Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác</u>, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử <u>hoặc Điều lệ công ty</u>.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị <u>lớn hơn 35%</u> trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội</p>	<p>2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này;</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành;</p> <p>5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ</p>	<p>Điều chỉnh lại theo Điều 135 Luật Doanh nghiệp</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>đồng cổ đông.</p> <p>4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	<p><i>đồng trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</i></p> <p><i>6. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 148 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p>	
8	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được</p>	<p>Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. <i>Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</i></p> <p><i>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</i></p> <p><i>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 22 Điều lệ mẫu</p> <p>Sửa đổi theo Điều 22 Điều lệ mẫu cho rõ nội dung</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>quyền mở trước khi kiểm phiếu. Phiếu lấy ý kiến có thể gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử và phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của <u>cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty</u>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>đ. Các quyết định đã được thông qua <u>được qui định tại Điều 20 của Điều lệ này</u>;</p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm</p>	<p><i>theo các hình thức sau:</i></p> <p><i>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</i></p> <p><i>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</i></p> <p><i>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</i></p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông <i>không phải người điều hành doanh nghiệp</i>. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p><i>đ. Các quyết định đã được thông qua.</i></p> <p>e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, <i>người kiểm phiếu</i> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của</p>	<p>Sửa đổi theo Điều 22 Điều lệ mẫu</p> <p>Bỏ nội dung : “ <i>được qui định tại Điều 20 của Điều lệ này</i>” vì dẫn chiếu không chính xác</p> <p>Bổ sung theo Điều 145 Luật Doanh nghiệp</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>8. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.</p>	<p>biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Sửa lại cho đầy đủ và rõ nghĩa theo Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p>	
9	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh (nếu cần) và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn</p>	<p>Bổ sung, sửa đổi cho rõ nghĩa theo Điều 23 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
		<p><i>đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</i></p> <p><i>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</i></p> <p><i>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.</i></p> <p><i>Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</i></p> <p><i>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</i></p> <p><i>3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</i></p> <p><i>4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.</i></p> <p><i>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp</i></p>		

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
		<i>và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i>		
10	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>2. <i>Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</i></p>	<p>Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, <i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 20 Điều lệ này.</i></p> <p><i>2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 147 Luật Doanh nghiệp</p> <p>Sửa đổi theo QĐ tại Điều 147 Luật DN.</p>	
	CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
11	<p>Điều 24. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của</p>	<p>Điều 24. Cơ cấu tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị, Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty <i>không được đồng thời là thành viên Hội đồng</i></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với quy định tại Điều 12 Nghị</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>công ty khác.</p> <p>3.</p> <p>3.1</p>	<p><i>quản trị tại quá 05 công ty khác.</i></p> <p><i>3. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị</i></p> <p><i>3.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</i></p> <p><i>a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;</i></p> <p><i>b. Trình độ học vấn;</i></p> <p><i>c. Trình độ chuyên môn;</i></p> <p><i>d. Quá trình công tác;</i></p> <p><i>e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;</i></p> <p><i>f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;</i></p> <p><i>g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);</i></p> <p><i>h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);</i></p>	<p>định 71</p> <p>Bổ sung nội dung 3.1 thông báo về ứng viên HĐQT cho phù hợp với quy định tại Điều 11 Nghị định 71</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p><i>i. Các thông tin khác (nếu có).</i></p> <p>6.Bãi bỏ nội dung này.</p>	<p>Nội dung này trước đây được quy định tại TT 121/2012/TT-BTC. NĐ 71 và TT 95 (thay thế TT 121) đã bỏ quy định này. Khoản 3 Điều 156 Luật DN quy định về việc bầu bổ sung thành viên HĐQT: “<i>HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp:</i></p> <p>a.</p> <p>b. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm”</p> <p>Do đó điều khoản bổ nhiệm thành viên HĐQT tạm thời cần bãi bỏ cho phù hợp với Luật DN và NĐ71</p>	
12	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>	<p>Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:</p>		

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>n. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p>	<p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, <i>việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</i></p> <p>n. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <i>nhỏ hơn 35%</i> tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.</p> <p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>i. Việc công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần <i>của từng loại đã được chào bán trong mười hai tháng;</i></p> <p><i>o. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông</i></p> <p><i>p. Trình Báo cáo tài chính hành năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông</i></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu</p> <p>Điều chỉnh rõ hơn theo Điều 130 Luật DN và Điều lệ mẫu</p> <p>Bổ sung thêm một số nội dung phù hợp Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>	
13	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng giám đốc</p>	<p>Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, phó Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch</p>	<p>Bỏ nội dung: “<i>Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Tổng Giám đốc</i>” vì theo quy định tại Điều 12 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>của Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên nếu Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>2. <i>Chủ tịch HĐQT có quyền và nghĩa vụ sau đây:</i></p> <p><i>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:</i></p> <p><i>- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT,</i></p> <p><i>- Thay mặt HĐQT phê duyệt các chủ trương về ngân sách tài chính, <u>chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc và các người điều hành khác, phê duyệt các dự án thuộc thẩm quyền của HĐQT và người đại diện pháp luật.</u></i></p> <p><i>- Phê duyệt cơ cấu tổ chức, các quy chế để quản trị nội bộ và các chính sách của Công ty, các văn bản ủy quyền, phân quyền cho Ban Tổng giám đốc nhằm phục vụ lợi ích Công ty theo thẩm quyền của HĐQT.</i></p>	<p>Kể từ ngày 1/08/20120 Chủ tịch HĐQT sẽ không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của công ty.</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>5. Chưa có</p>	<p><i>- Ký duyệt các văn bản và chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ khác thuộc thẩm quyền người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty.</i> <i>- Các thẩm quyền khác thuộc thẩm quyền của HĐQT căn cứ theo nghị quyết của HĐQT.</i></p> <p>3. Bỏ nội dung này</p> <p><i>5. Phó chủ tịch HĐQT được quyền thay mặt HĐQT, Chủ tịch HĐQT để thực hiện thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT theo nghị quyết của HĐQT hoặc theo văn bản ủy quyền từ Chủ tịch HĐQT.</i></p>	<p>Bỏ khoản 3 Điều 26 do đã có điểm b khoản 2 Điều 26 bổ sung bên trên.</p> <p>Bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của công ty</p>	
14	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị <i>lần thứ nhất</i> chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).</p>	<p>Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) <i>nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</i></p>	<p>Điều chỉnh rõ hơn theo Điều 153 Luật DN và Điều 30 Điều lệ mẫu</p>	
	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p>CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, <i>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</i> VÀ THƯ KÝ CÔNG TY</p>	<p>Thay đổi theo Nghị định 71</p>	
15	<p>Điều 29. Cán bộ quản lý</p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng</p>	<p>Điều 29. <i>Người điều hành doanh nghiệp</i></p> <p>1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng <i>người điều hành</i> cần thiết, với số</p>	<p>Thay thuật ngữ “ <i>Cán bộ quản lý</i>” bằng “<i>Người điều hành</i> ” theo quy định tại</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	<p>lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người điều hành phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</p> <p>2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.</p>	Nghị định 71	
16	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc điều hành điều hành từ 03 – 05 năm trừ khi Hội Đồng Quản Trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Trường hợp kết thúc 01- 02 năm, hoạt động kết quả sản xuất kinh doanh không tốt Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội Đồng Quản Trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi chức .</p>	<p>Điều 30. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm trừ khi Hội đồng Quản trị quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Trường hợp kết thúc 01- 02 năm, hoạt động kết quả sản xuất kinh doanh không tốt Tổng Giám Đốc không hoàn thành nhiệm vụ, có thể xin từ chức hoặc do Hội Đồng Quản Trị quyết định Tổng Giám Đốc có tiếp tục điều hành hoặc bãi chức. <i>Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà</i></p>	Điều chỉnh rõ hơn theo Điều 157 Luật DN và Điều 35 Điều lệ mẫu	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.</p>	<p><i>pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và công ty.</i></p> <p>3. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p><i>b. Quyết định các vấn đề hàng ngày của Công ty và bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản, xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất phù hợp với quy định pháp luật và <u>phù hợp với hạn mức và thẩm quyền do HĐQT, chủ tịch HĐQT giao cho</u> tại các văn bản ủy quyền và văn bản phân định thẩm quyền.</i></p> <p><i>i. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</i></p> <p><i>k. Tổng giám đốc phải điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, ủy quyền của Hội đồng quản trị/Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</i></p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại công ty</p> <p>Bổ sung theo Điều 35 Điều lệ mẫu và NĐ71</p> <p>Bổ sung theo Điều 157 Luật doanh nghiệp và tình hình công ty</p>	
	CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT			

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên. Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập <u>đang thực hiện</u> việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty <u>và không phải là người của doanh nghiệp có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty</u>. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Kiểm soát viên không phải là <u>người có liên quan</u> với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>Ban kiểm soát phải <u>chỉ định</u> một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p>2. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ (10%) đến dưới (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ (20%) đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới</p>	<p>Điều 32. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 thành viên.</p> <p><i>Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</i></p> <p><i>a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;</i></p> <p><i>b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.</i></p> <p><i>c. không phải là người của doanh nghiệp có cùng ngành sản xuất kinh doanh chính của Công ty.</i></p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban <i>theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</i> Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p> <p><i>2. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 3 Điều 24 Điều lệ này</i></p>	<p>Bổ sung, sửa đổi theo Điều 20 Nghị định 71</p> <p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 20 Nghị định 71</p> <p>Sửa đổi theo Điều 19 nghị định 71</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p> <p>7. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiểm soát viên đó không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp;</p> <p>b. Kiểm soát viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ Kiểm soát viên đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Kiểm soát viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Kiểm soát viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>7. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</p> <p><i>b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p><i>c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p> <p>8. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p><i>a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</i></p> <p><i>b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p><i>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.</i></p>	<p>Điều chỉnh bổ sung theo Điều 169 Luật DN và Điều lệ mẫu</p>	
17	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Điều 33. Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trong đó có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p><i>i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;</i></p> <p><i>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính</i></p>	<p>Bổ sung theo Điều 21 Nghị định 71</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
		<p><i>hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;</i></p> <p><i>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</i></p> <p><i>l. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.</i></p> <p><i>m. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</i></p>		
	CHƯƠNG X. <u>NHIỆM VỤ</u> CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	CHƯƠNG X. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ <i>NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</i>		
18	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có</p>	<p>Điều 35. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không</p>	Sửa lại cho đúng và rõ nghĩa theo Điều 40 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.</p> <p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên/thành viên Ban kiểm toán nội bộ, Giám đốc (Tổng giám đốc), cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện</p>	<p>được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p> <p>4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính.</p> <p>5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám</p>		

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <i>lớn hơn 35%</i> trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị <u>hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện.</u></p>	<p>độc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị <i>bằng hoặc lớn hơn 35%</i> tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p>		
19	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ</p>	<p>Điều 36. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ</p>	Bổ sung và sửa lại cho rõ ý hơn theo Điều 41 Điều lệ mẫu	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không <u>chống lại lợi ích cao nhất của Công ty</u>, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>	<p>kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p>		
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY				
20	<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 24 <u>và khoản 2 Điều 32</u> Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó</p>	<p>Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 3 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một</p>	<p>Bỏ nội dung : “ <u>và khoản 2 Điều 32</u>” để phù hợp với sửa đổi tại Khoản 2 Điều 32 phía trên</p>	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.		
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG				
21	<p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại <u>Điều 46</u> Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (<i>đối với các công ty niêm yết</i>) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (<i>đối với các công ty niêm yết</i>) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), <u>báo cáo sáu tháng và quý</u> của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p>	<p>Điều 43. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý</p> <p>Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 45 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh và thông qua Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>3. Bãi bỏ nội dung này</p> <p>4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), của công ty phải được công bố trên website của Công ty.</p>	<p>Dẫn chiếu sai Điều khoản nên cần điều chỉnh lại cho đúng</p> <p>Bỏ câu : “ đối với công ty niêm yết” vì không phù hợp</p> <p>Bãi bỏ Khoản 3 và sửa lại Khoản 4 Điều 43 vì theo quy định tại Điều 8 Thông tư 155/2015/TT-BTC ban hành ngày 06/10/2015 thì việc công bố BCTC sáu tháng và quý chỉ áp dụng cho công ty đại chúng quy mô lớn và tổ chức niêm yết</p>	
CHƯƠNG XVII. CÔNG KHAI LỢI ÍCH CÓ LIÊN QUAN.				

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
22	<p>Điều 46. Công khai lợi ích có liên quan. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản <u>2 Điều 159 Luật này.???</u></p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <p>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</p>	<p>Điều 46. Công khai lợi ích có liên quan.</p> <p>1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;</p>	Sửa lại cho rõ nghĩa theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp	
23	<p>Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông. Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ</p>	<p><i>Điều 49. Giải quyết tranh chấp nội bộ</i></p> <p><i>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:</i></p>	Sửa lại theo Điều 55 Điều lệ mẫu ban hành kèm Thông tư 95 cho phù hợp hơn.	

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
	<p>sau:</p> <p>1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.</p> <p>2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi cho hơn cả cho toàn thể cổ đông.</p>	<p><i>a. Cổ đông với Công ty;</i></p> <p><i>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;</i></p> <p><i>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng ... ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu ... chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</i></p> <p><i>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</i></p> <p><i>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</i></p>		
	CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC			

T T	Điều lệ hiện hành	Đề xuất sửa đổi, bổ sung (phần chữ in nghiêng là nội dung được điều chỉnh, bổ sung)	Lý do điều chỉnh	Góp ý của cổ đông
24	<p>Điều 54. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông <u>Công ty Cổ phần Dược phẩm 2-9 Tp. Hồ Chí Minh</u> nhất trí thông qua ngày 03 tháng 06 năm 2017 tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho điều lệ Công ty ban hành ngày 04 tháng 11 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 03 tháng 06 năm 2017.</p>	<p>1. Bản điều lệ này gồm 22 chương 54 điều được Đại hội đồng cổ đông <i>Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9</i> nhất trí thông qua ngày tháng <i>03</i> năm <i>2020</i> tại TP. Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế cho điều lệ Công ty ban hành ngày 03 tháng 06 năm 2017 và có hiệu lực kể từ ngày tháng năm <i>2020</i></p>	Điều chỉnh tên công ty và cập nhật ngày tháng	

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Nam Chưởng

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
Về việc kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2019
tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 (Nadyphar)
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;

Ban Kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2019 (từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019) tại Công ty Cổ phần Dược phẩm 2/9 như sau:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2019:

Về nhân sự Ban Kiểm soát: Ban Kiểm soát hiện đang hoạt động gồm có 03 thành viên.

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các công tác như sau:

1.1. BKS đã duy trì tốt hoạt động theo quy định tại Điều lệ và Quy chế hoạt động của BKS: đã cử thành viên tham dự đầy đủ các Phiên họp thường kỳ của HĐQT;

1.3. Đã thực hiện các công tác đúng theo kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát, bao gồm: thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; Giám sát thẩm định tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và báo cáo khác trước khi trình Đại hội đồng cổ đông hoặc các cơ quan nhà nước có liên quan;

1.4. Đã xem xét, thẩm tra các Báo cáo tài chính quý tại Công ty, Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam;

1.5. Trong năm Ban Kiểm soát cũng đã phối hợp cùng một số phòng ban liên quan tham gia đóng góp ý kiến để hoàn thiện dự thảo điều chỉnh Điều lệ Công ty và một số quy chế, quy định.

2. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2019, Ban Kiểm soát đã tiến hành 02 cuộc họp với những nội dung như sau:

2.1. Triển khai Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát; Phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS;

2.2. Thông qua các báo cáo về việc phân tích, đánh giá tình hình hoạt động và thực hiện các chỉ tiêu tài chính các quý trong năm;

2.3. Thông qua các tài liệu, báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát:

Tổng số thù lao của Ban Kiểm soát trong năm là 232.000.000 đồng, trong đó:

ST T	Họ và tên	Thù lao/Lương (đồng)	Thưởng (đồng)	Cộng (đồng)
1	Nguyễn Minh Đức	96.000.000	8.000.000	104.000.000
2	Nguyễn Trần Xuân Mai	60.000.000	4.000.000	64.000.000
3	Trần Quang Huy	60.000.000	4.000.000	64.000.000
	Cộng	216.000.000	16.000.000	232.000.000

4. Kết quả giám sát việc thực hiện chế độ kế toán, báo cáo tài chính và về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty.

4.1. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính 2019

Qua xem xét Báo cáo tài chính năm 2019 đã được soát xét, Ban Kiểm soát có ý kiến như sau:

- Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán áp dụng và việc trình bày Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty là phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn bổ sung; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) các văn bản hướng dẫn do Bộ Tài chính ban hành;

- Các chính sách và phương pháp kế toán được áp dụng nhất quán;

- Các chỉ tiêu trên Bảng Cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh Báo cáo tài chính. Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty.

Qua thẩm định, Ban Kiểm soát không có bất cứ ý kiến phản đối nào về số liệu trong Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.

Về hệ thống kế toán:

- Hệ thống kế toán: sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, kịp thời; công tác quản lý tài sản, vật tư, công nợ chặt chẽ; trích lập dự phòng hợp lý, đầy đủ, phù hợp quy định; công tác kê khai và nộp thuế thực hiện đúng quy định;

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp quy định;
- Công ty đã tuân thủ thực hiện công bố thông tin đúng quy định về nội dung và tiến độ;

Về hệ thống kiểm soát nội bộ:

Nhận thức được vai trò quan trọng của hệ thống kiểm soát nội bộ đối với hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo công ty đã và đang xây dựng và từng bước hoàn thiện dần hệ thống văn bản nội bộ bao gồm các quy chế, quy định, quy trình... phục vụ cho công tác quản lý, điều hành của Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật và bảo đảm lợi ích hợp pháp của cổ đông;

4.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Căn cứ các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 79/19NQ-NĐP ngày 30/03/2019, BKS tổng hợp kết quả thực hiện năm 2019 như sau:

4.2.1. Tổng hợp tình hình thực hiện các chỉ tiêu được giao

ST T	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2019 đã được ĐHĐCĐ giao	Thực hiện		Tỷ lệ hoàn thành	
			Năm 2019 (tỷ đồng)	Năm 2018 (tỷ đồng)	So với Kế hoạch năm 2019	So với thực hiện năm 2018
(A)	(B)	(1)	(2)	(3)	(4)=(2)/(1)	(5)=(3)/(4)
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	150,00	96,96	133,18	64,64%	72,80%
2	Lợi nhuận trước thuế	32,50	26,02	31,13	80,05%	83,56%
3	Tỷ lệ cổ tức	10%/năm		12%/năm		

4.2.2. Kết quả thực hiện Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận trong năm

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHĐCĐ Đ giao	Thực hiện (tỷ đồng)		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Năm 2019	Năm 2018	So với Kế hoạch năm 2019	So với thực hiện năm 2018
Tổng doanh thu	150,00	96,96	133,18	64,64%	72,80%
Doanh thu thuần		86,22	125,09		68,93%
- Doanh thu bán hàng		88,42	124,69		70,91%
- Doanh thu hàng hóa		2,04			
- Doanh thu BĐS		5,30	5,19		102,11%
- Chiết khấu thương mại		-5,77	-3,69		156,70%
- Giảm giá hàng bán					
- Hàng bán bị trả lại		-3,76	-1,10		341,11%
Thu nhập hoạt động tài chính		9,09	7,90		115,06%
Thu nhập khác		1,65	0,19		856,72%
Tổng chi phí		70,94	102,05		69,52%
- Giá vốn hàng bán		49,35	58,88		83,82%

Chỉ tiêu	Kế hoạch ĐHĐC Đ giao	Thực hiện (tỷ đồng)		Tỷ lệ hoàn thành (%)	
		Năm 2019	Năm 2018	So với Kế hoạch năm 2019	So với thực hiện năm 2018
- Chi phí hoạt động tài chính		1,39	3,20		43,49%
- Chi phí bán hàng		7,12	18,84		37,77%
- Chi phí quản lý doanh nghiệp		12,99	20,87		62,23%
- Chi phí khác		0,10	0,26		37,31%
Lợi nhuận trước thuế	32,50	26,02	31,13	80,05%	83,56%
Lợi nhuận sau thuế		20,67	24,56		84,18%

Căn cứ vào bảng tổng hợp kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh nêu trên, kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019 như sau:

- Tổng Doanh thu năm 2019 chỉ đạt 64,64% so với kế hoạch được giao và chỉ bằng 72,80% so với năm 2018; sự sụt giảm doanh thu chủ yếu từ hoạt động kinh doanh hàng được phẩm. Riêng doanh thu hoạt động tài chính tăng 15% so với cùng năm 2018.

- Về tình hình chi phí năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt tiết giảm chi phí, trong đó chi phí bán hàng giảm hơn 60%, chi phí quản lý doanh nghiệp đã giảm 37,77% so với năm 2018.

- Tuy nhiên, do việc sụt giảm Doanh thu đã làm Lợi nhuận trước thuế năm 2019 giảm, chỉ đạt 80,05% so với kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

Như vậy, do gặp nhiều khó khăn khách quan lẫn chủ quan như đã được nêu tại Báo cáo hoạt động tổng kết năm 2019 của ban Tổng Giám đốc, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông giao.

4.3. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu tài chính khác

4.3.1. Tình hình tài sản và nguồn vốn:

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam, tình hình tài sản và nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2019 tóm tắt như sau:

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2019 (Tỷ đồng)	Tại ngày 01/01/2019 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm (Tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	184,74	192,78	(8,03)	-4,17%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	19,41	22,69	(3,28)	-14,45%
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	123,00	123,08	(0,08)	-0,06%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	11,65	18,17	(6,52)	-35,89%
IV. Hàng tồn kho	30,22	28,29	1,94	6,85%
V. Tài sản ngắn hạn khác	0,46	0,55	(0,09)	-16,58%
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	77,45	75,39	2,05	2,72%
I. Các khoản phải thu dài hạn	0,05	0,06	(0,01)	-16,07%

CHỈ TIÊU	Tại ngày 31/12/2019 (Tỷ đồng)	Tại ngày 01/01/2019 (Tỷ đồng)	Tăng/Giảm (Tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
(A)	(1)	(2)	(3)=(1)-(2)	(4)=(3)/(2)
II. Tài sản cố định	41,67	32,68	9,00	27,54%
1. Tài sản cố định hữu hình	36,44	27,22	9,22	33,87%
2. Tài sản cố định vô hình	5,23	5,45	(0,22)	-4,09%
III. Bất động sản đầu tư	13,19	13,93	(0,74)	-5,32%
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1,18	5,07	(3,89)	-76,70%
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0,09	0,09	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	21,27	23,58	(2,31)	-9,79%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	262,19	268,17	(5,98)	-2,23%
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ	50,13	108,99	(58,86)	-54,00%
I. Nợ ngắn hạn	45,99	49,31	(3,32)	-6,73%
II. Nợ dài hạn	4,14	59,68	(55,54)	-93,07%
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	212,06	159,18	52,88	33,22%
I. Vốn chủ sở hữu	212,06	159,18	52,88	33,22%
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	262,19	268,17	(5,98)	-2,23%

4.3.2. Một số chỉ tiêu phân tích tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018
1. Cơ cấu tài sản và nguồn vốn		
1.1. Cơ cấu tài sản		
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	70,46%	71,89%
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	29,54%	28,11%
1.2. Cơ cấu nguồn vốn		
- Nợ phải trả/Tổng tài sản	19,12%	40,64%
- Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	80,88%	59,36%
2. Khả năng thanh toán		
2.1. Khả năng thanh toán hiện hành	3,96	4,38
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	3,35	3,66
3. Tỷ suất sinh lợi		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu thuần		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần	30,17%	24,89%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	23,98%	19,63%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	9,81%	12,29%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	7,80%	9,69%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	18,62%	44,25%

Nhận xét: Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh và ổn định; đảm bảo an toàn về khả năng thanh toán; các chỉ tiêu tài chính của Công ty là hợp lý. Khả năng thanh toán của Công ty vẫn đảm bảo ở mức an toàn.

Tuy Doanh thu và Lợi nhuận năm 2019 đều giảm trong năm, tuy nhiên các chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận trên Doanh thu lại cao hơn so với năm trước. Lý do là trong năm 2019, Công ty đã thực hiện tốt việc giảm chi phí so với năm 2018 (nhất là tại các chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp như đã nêu tại phần 4.2.2). Việc quản lý tốt các chi phí cần được phát huy hơn nữa trong năm sau.

Về Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ: cần lưu ý là trong năm 2019, Công ty đã hoàn tất việc chuyển trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 55,5 tỷ đồng lên 111 tỷ đồng. Do đó, nếu so sánh chỉ tiêu Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2019 so với năm 2018 phải quy về 01 mức vốn điều lệ thống nhất thì mới có sự tương đồng khi so sánh. Cụ thể nếu quy về 01 mức vốn điều lệ là 111 tỷ đồng thì Tỷ suất lợi nhuận năm 2019 so với 2018 là 18,62%/22,13% và chỉ đạt 84,18% so với năm 2018. Nguyên nhân chính của việc giảm Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ là do sự sụt giảm Lợi nhuận trong năm.

4.3.3. Tình hình công nợ:

ST T	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/2019 (tỷ đồng)	Tại ngày 31/12/2018 (tỷ đồng)	Tăng/Giảm (tỷ đồng)	Tỷ lệ Tăng/Giảm
1	Tổng nợ phải thu	11,65	18,17	-6,52	-35,89%
	Trong đó				
	Phải thu khách hàng	6,27	10,23	-3,96	-38,72%
	Dự phòng nợ phải thu	-1,34	-1,30	-0,04	3,09%
2	Tổng nợ phải trả	50,13	108,99	-58,86	-54,00%
	Trong đó				
	Phải trả người bán	4,39	3,33	1,07	32,05%

Công ty đã tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý nợ, Nợ phải thu và Nợ phải trả đều giảm hơn so với năm 2018. Trong đó, Phải thu khách hàng đã giảm 38,72% so với năm 2018 là do Công ty đã áp dụng chính sách bán hàng thu tiền ngay và tích cực trong công tác thu hồi nợ.

4.4. Về hoạt động đầu tư

Năm 2019, Công ty đã tiếp tục đầu tư mới và nâng cấp sửa chữa các trang thiết bị, máy móc phục vụ kịp thời cho hoạt động sản xuất và việc thẩm định tái xét GMP trong năm 2020; đầu tư cho các bộ phận nghiên cứu phát triển, kiểm tra chất lượng, phân xưởng sản xuất.

5. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ

đồng. Ban kiểm soát không thấy có bất kỳ điều gì bất thường trong hoạt động quản trị điều hành của HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý.

5.1. Về công tác của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đúng các quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

- HĐQT đã lập chương trình công tác năm 2019 phù hợp với các mục tiêu, định hướng Đại hội đồng cổ đông đã quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể.

- HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động. Trong năm đã tổ chức 06 phiên họp. Các phiên họp HĐQT đã tiến hành đúng theo quy định tại Điều lệ công ty. Nội dung các phiên họp đều thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Trong năm HĐQT đã ban hành 06 nghị quyết, các nghị quyết HĐQT kịp thời trong định hướng chỉ đạo theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ.

- Đã thực hiện giám sát thường xuyên Ban điều hành trong việc triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết HĐQT và các hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.2. Về công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nhiệm vụ kịp thời, linh hoạt để đạt kết quả tốt nhất theo đúng định hướng chỉ đạo tại các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã báo cáo kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh và đề xuất các giải pháp, chính sách phù hợp với Hội đồng quản trị để giải quyết những khó khăn vướng mắc của Công ty. Ban Tổng Giám đốc cũng xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch đầu tư và đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả.

5.3. Việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019:

5.3.1. Thực hiện các chỉ tiêu tài chính: Công ty chưa đạt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận, nhưng đã đảm bảo mức chi cổ tức 12%.

5.3.2. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 và chi trả cổ tức cho cổ đông:

- Đã hoàn tất chi trả cổ tức năm 2018 và chi bổ sung cổ tức từ quỹ lợi nhuận chưa phân phối cho cổ đông;

- Đã thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2018 đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2019;

5.3.3. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019: đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam để thực hiện kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính trong năm tài chính năm 2019 của Công ty.

5.3.4. Đã ban hành Quy chế quản trị nội bộ;

5.3.5. Đã hoàn tất chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và hoàn tất thủ tục thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh tăng vốn điều lệ thành 111 tỷ đồng;

6. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông

Trong quá trình công tác, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

Giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã duy trì được mối quan hệ công tác, phối hợp chặt chẽ, trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của toàn thể cổ đông và tuân thủ theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

II. Phương hướng hoạt động năm 2020:

Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2020 với những nội dung chính như sau:

- Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các hoạt động quản lý, điều hành theo chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
- Giám sát tình hình thực hiện triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty;
- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, 6 tháng và cả năm 2020;
- Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành và Ban Kiểm soát;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

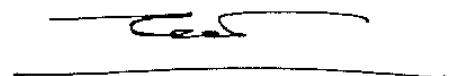
Trên đây là báo cáo về kết quả kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát chân thành cảm ơn Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ đã tạo điều kiện để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông Công ty;
- Các Thành viên HĐQT;
- Các Thành viên BKS;
- Lưu TC-HC, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Minh Đức

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tại ngày 31/12/2019)

STT	TÀI SẢN	Số tiền	STT	NGUỒN VỐN	Số tiền
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	184.743.605.278	A	NỢ PHẢI TRẢ	50.129.094.473
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	19.407.828.549	I	Nợ ngắn hạn	45.991.961.673
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	123.000.000.000	1	Phải trả người bán ngắn hạn	4.393.593.932
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	11.648.965.322	2	Người mua trả tiền trước	6.020.006.219
1	Phải thu khách hàng	6.267.438.179	3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.857.410.884
2	Trả trước cho người bán	1.963.473.044	4	Phải trả người lao động	6.690.387.315
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.760.092.985	5	Chi phí phải trả ngắn hạn	2.111.135.770
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.342.895.138)	6	Phải trả ngắn hạn khác	14.578.472.435
5	Tài sản thiếu chờ xử lý	856.252	7	Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.340.955.118
IV	Hàng tồn kho	30.223.967.726	II	Nợ dài hạn	4.137.132.800
1	Hàng tồn kho	30.418.286.709	1	Phải trả dài hạn khác	4.137.132.800
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(194.318.983)	B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	212.060.608.723
V	Tài sản ngắn hạn khác	462.843.681	I	Vốn chủ sở hữu	212.060.608.723
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	49.349.161	1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	111.000.000.000
2	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	413.494.520	2	Thặng dư vốn cổ phần	20.433.140.789
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	77.446.097.918	3	Quỹ đầu tư phát triển	51.950.748.706
I	Các khoản phải thu dài hạn	47.000.000	4	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	28.676.719.228
II	Tài sản cố định	41.674.076.331		- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	26.712.075.449
1	Tài sản cố định hữu hình	36.444.252.441		- LNST chưa phân phối kỳ này	1.964.643.779
2	Tài sản cố định vô hình	5.229.823.890	II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	
III	Bất động sản đầu tư	13.187.812.246			
IV	Tài sản dở dang dài hạn	1.180.454.546			
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	90.000.000			
VI	Tài sản dài hạn khác	21.266.754.795			
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	262.189.703.196		TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	262.189.703.196

(Báo cáo được lập bởi Ban Kiểm soát dựa trên các số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam)

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Đức

TP.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Nam Thắng

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2019

STT	DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN (đ)	GHI CHÚ
I. LỢI NHUẬN			
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	96.960.267.189	(1)
2	Giá vốn tiêu thụ	49.353.348.718	(2)
3	Chi phí bán hàng	7.117.573.332	(3)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.987.173.811	(4)
5	Chi phí tài chính	1.390.855.165	(5)
6	Chi phí khác	95.178.141	(6)
7	Lợi nhuận: (7) = (1)-(2)-(3)-(4)-(5)-(6)	26.016.138.022	(7)
II. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN			
	* Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.323.007.117	
	* Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.020.591.789	
8	Phân phối lợi nhuận sau thuế [111 tỷ x 12%]	20.672.539.116	(8)
	a. Trả cổ tức cho cổ đông	13.320.000.000	
	Trong đó		
	Cổ đông Công ty Dược Sài Gòn [16,095 tỷ x 12%]	1.931.400.000	
	Cổ đông tư nhân [94,905 tỷ x 12%]	11.388.600.000	
	b. Trích lập các quỹ	6.408.487.126	
	- Quỹ đầu tư phát triển 15%	3.100.880.867	
	- Quỹ khen thưởng 10%	2.067.253.912	
	- Quỹ phúc lợi 1%	206.725.391	
	- Quỹ thủ lao HDQT 5%	1.033.626.956	
	c. Tổng lợi nhuận chưa phân phối	28.676.719.228	
	- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2019 chuyển năm sau	1.964.643.779	
	- Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước	26.712.075.449	
III. GIÁ TRỊ CỔ PHẦN ĐẾN NGÀY 31/12/2019		212.060.608.723	
9	Vốn Điều lệ	111.000.000.000	(9)
10	Thặng dư vốn cổ phần	20.433.140.789	
11	Quỹ đầu tư phát triển	51.950.748.706	
12	Lợi nhuận chưa phân phối	28.676.719.228	
13	Giá trị kế toán 1 cổ phần	19.105	
14	Giá trị tăng thêm 1 cổ phần	9.105	

(Báo cáo được lập bởi Ban Kiểm soát dựa trên các số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam)

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Tp.HCM, ngày 17 tháng 03 năm 2020

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Minh Đức

Ngô Nam Thắng